

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 25-11-2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên

Bà Võ Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 01/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số: 639/2020/HNGĐ-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Ước M, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ X, Khu vực Y, phường T, Tp Q, tỉnh Bình Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn V, thị trấn D, huyện T, Bình Định

- Bị đơn: Anh Trần Kim Q, sinh năm 1989 (có mặt)

Cư trú tại: Tổ X, Khu vực Y, phường T, Tp Q, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị Ước M trình bày:

Chị và anh Trần Kim Q trước khi kết hôn có tìm hiểu thời gian ngắn, anh chị quen biết nhau qua mai mối, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/10/2013 tại UBND phường T, Tp Q, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q cờ bạc, rượu chè, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, đi làm về không đưa tiền cho chị nuôi con, ngoài ra anh Q còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q không thay đổi mà còn kiêu chuyện gây sự và đánh đập chị, gây thương tích cho chị. Mâu thuẫn của vợ chồng, cha mẹ hai bên đều biết, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không được. Từ khi chị nộp đơn xin ly hôn đến nay anh Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm, ngăn cấm không cho chị gặp con, gọi điện thoại hăm dọa chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trần Lương Thị Kiều N, sinh ngày 07/02/2015 và Trần Đức D, sinh ngày 29/8/2017. Hiện nay các con chung đang sống với anh Q, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N, chị đồng ý giao cháu D cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Kim Q cố tình vắng mặt trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 639/2020/HNGĐ-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Ước M được ly hôn với anh Trần Kim Q.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

2.1 Giao cháu Trần Lương Thị Kiều N, sinh ngày 07/02/2015 cho chị Lương Thị Ước M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2 Giao cháu Trần Đức D, sinh ngày 29/8/2017 cho anh Trần Kim Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/8/2020, bị đơn anh Trần Kim Q kháng cáo yêu cầu được nuôi 02 con chung để 02 con có điều kiện học hành tốt.

Tại phiên tòa, anh Trần Kim Q vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được nuôi 02 con chung. Chị Lương Thị Ước M đồng ý để 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, anh Trần Kim Q vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được nuôi 02 con chung. Chị Lương Thị Ước M đồng ý để 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng, anh Q không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Do đó căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận sự tự nguyện của chị M, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm về quan hệ nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn anh Trần Kim Q trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, anh Q đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Ước M, giao cháu Trần Lương Thị Kiều N, sinh ngày 07/02/2015 cho chị Lương Thị Ước M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Trần Đức D, sinh ngày 29/8/2017 cho anh Trần Kim Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Kim Q kháng cáo yêu cầu được nuôi 02 con chung để 2 con chung có điều kiện học tập được tốt hơn. Tại phiên tòa, chị Lương Thị Ước

M đồng ý để 02 con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Do đó căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh Q. Giao 02 con chung Trần Lương Thị Kiều N, sinh ngày 07/02/2015 và Trần Đức D, sinh ngày 29/8/2017 cho anh Q nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Kim Q phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Sửa quyết định về phân giải quyết con chung của bản án sơ thẩm số: 639/2020/HNGĐ-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

1. Về quan hệ con chung:

Giao cháu Trần Lương Thị Kiều N, sinh ngày 07/02/2015 và cháu Trần Đức D, sinh ngày 29/8/2017 cho anh Trần Kim Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Kim Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc áp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Trần Kim Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí

phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008411 ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS Tp Q;
- TAND Tp Q;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa

